

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHÚC CHU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXH

Phúc Chu, ngày tháng 03 năm 2024

V/v báo cáo thống kê về thanh niên theo  
Thông tư 07/2020/TT-BNV ngày  
15/12/2020 của Bộ Nội vụ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa,
- Phòng Nội vụ huyện Định Hóa.

Thực hiện công văn số 1122/UBND-NV ngày 6/3/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc báo cáo thống kê về thanh niên theo Thông tư 07/2020/TT-BNV ngày 15/12/2020 của Bộ Nội vụ. UBND xã Phúc Chu báo cáo như sau:

**Biểu số:**  
**001<sub>tn</sub>.N/BCT-  
GDĐT**

Ngày nhận báo cáo:  
ngày 10/3 năm sau

**SỐ THANH NIÊN HỌC  
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
Kỳ đầu năm học 2023-2024**

(có đến ngày 30/9 năm báo cáo)

**Đơn vị báo cáo: Trường THPT  
Định Hóa, Phòng Giáo dục và  
Đào tạo, UBND các xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo dục  
& ĐT, Phòng Nội vụ huyện**

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Số thanh niên đi học cấp trung học phổ thông	Số thanh niên đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông
A	B	1	2
<b>Tổng số</b>	01	<b>81</b>	<b>81</b>
<b>1. Chia theo giới tính</b>			
Nam	02	<b>43</b>	<b>43</b>
Nữ	03	<b>38</b>	<b>38</b>
<b>2. Chia theo dân tộc</b>			
Kinh	04	<b>25</b>	<b>25</b>
Khác	05	<b>56</b>	<b>56</b>
<b>3. Chia ra theo lớp</b>			
- Học sinh lớp 10	06	<b>30</b>	<b>30</b>
- Học sinh lớp 11	07	<b>24</b>	<b>24</b>
- Học sinh lớp 12	08	<b>27</b>	<b>27</b>
<b>4. Chia theo xã, thị trấn</b>			
Xã Phúc Chu	09	<b>81</b>	<b>81</b>
Xã.....	10		

**Biểu số: 02tn.**  
**N/BCT-GDĐT**  
Ngày nhận báo  
cáo: ngày 10/3  
năm sau

**TỶ LỆ THANH NIÊN TỐT  
NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ  
THÔNG, LƯU BAN, BỎ HỌC CẤP  
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
Kỳ cuối năm học 2023-2024**  
(Có đến 31/5 năm báo cáo)

**Đơn vị báo cáo: Trường  
THPT Định Hóa, Phòng  
Giáo dục và Đào tạo, UBND  
các xã, thị trấn**  
**Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo  
dục & ĐT, Phòng Nội vụ  
huyện**

*Đơn vị tính: %*

	Mã số	Tỷ lệ thanh niên tốt nghiệp trung học phổ thông	Tỷ lệ thanh niên lưu ban cấp trung học phổ thông	Tỷ lệ thanh niên bỏ học cấp trung học phổ thông
A	B	1	2	3
<b>Toàn huyện</b>	01			
<b>1. Chia theo giới tính</b>				
Nam	02	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Nữ	03	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2. Dân tộc</b>				
Kinh	04	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Khác	05	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Chia theo xã, thị trấn</b>				
Xã Phúc Chu	06	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu số: 003tn.N/BCT-GDDT**  
 Ngày nhận báo cáo: Ngày 10/3 năm sau

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
 CỦA THANH NIÊN**

**Đơn vị báo cáo: UBND các xã, thị trấn**  
**Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Nội vụ**

	Mã số	Số thanh niên là sinh viên đại học			Tỷ lệ thanh niên tốt nghiệp đại học (%)	Số thanh niên được đào tạo sau đại học		
		Tổng số sinh viên (người)	Sinh viên tuyển mới (người)	Sinh viên tốt nghiệp (người)		Tổng số (người)	Thạc sĩ (người)	Tiến sĩ (người)
	B	1	2	3	4	5	6	7
<b>Tổng số</b>	01	<b>32</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>9,37</b>			<b>0</b>
<b>1. Chia theo giới tính</b>								
Nam	02	<b>14</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>14,28</b>			<b>0</b>
Nữ	03	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>8,33</b>			<b>0</b>
<b>2. Chia theo Dân tộc</b>								
Kinh	04	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>0</b>				<b>0</b>
Khác	05	<b>24</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>43,4</b>			<b>0</b>
<b>3. Chia theo Loại trường</b>								
Công lập	06	<b>29</b>	<b>4</b>	<b>4</b>				<b>0</b>
Ngoài công lập	07	<b>3</b>	<b>1</b>					
<b>4. Chia theo cấp quản lý</b>								
...	...							
<b>5. Chia theo nhóm ngành đào tạo</b>								
....	...							
<b>6. Chia theo xã, thị trấn</b>								
	...							

**Biểu số:**  
**004tn.N/BCT-GDDĐT**  
Ngày nhận báo cáo:  
ngày 10/3 năm sau

**SỐ THANH NIÊN LÀ HỌC SINH,  
SINH VIÊN ĐƯỢC TƯ VẤN GIÁO  
DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ SỐ  
THANH NIÊN ĐƯỢC TRANG BỊ  
KIẾN THỨC VỀ KỸ NĂNG SỐNG,  
BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG  
CHỐNG BẠO LỰC GIỚI  
Năm 2024**

**Đơn vị báo cáo:**  
**Phòng Giáo dục và  
Đào tạo, UBND các  
xã, thị trấn**  
**Đơn vị nhận báo  
cáo: Sở Giáo dục &  
ĐT, Phòng Nội vụ  
huyện**

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Tổng số thanh niên là học sinh, sinh viên	Số thanh niên là học sinh, sinh viên được tư vấn giáo dục hướng nghiệp	Số thanh niên được trang bị kiến thức về kỹ năng sống, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực giới
A	B	1	2	3
<b>Toàn xã</b>	<b>01</b>			
<b><i>1. Chia theo Giới tính</i></b>				
Nam	02	<b>157</b>	<b>73</b>	<b>84</b>
Nữ	03	<b>158</b>	<b>75</b>	<b>49</b>

**Biểu số: 001tn.N/BCT-YT**

Ngày nhận báo cáo: ngày 02/4 năm sau năm báo cáo

**CHIỀU CAO VÀ CÂN NẶNG TRUNG BÌNH CỦA THANH NIÊN Năm 2024**

**Đơn vị báo cáo: TT Y tế, Trạm Y tế, UBND các xã, thị trấn**

**Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế, Phòng Nội vụ huyện**

	Mã số	Chiều cao trung bình của thanh niên (cm)		Cân nặng trung bình của thanh niên (kg)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
A	B	1	2	3	4
<b>Tổng số</b>	01				
<b>1. Chia theo dân tộc</b>					
- Kinh	02	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>49</b>
- Khác	03	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>49</b>
<b>2. Chia theo nhóm tuổi</b>					
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04	<b>155</b>	<b>150</b>	<b>48</b>	<b>44</b>
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05	<b>1,62</b>	<b>1,50</b>	<b>59</b>	<b>46</b>
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06	<b>1,65</b>	<b>1,50</b>	<b>58</b>	<b>49</b>
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07	<b>1,65</b>	<b>1,55</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
<b>3. Chia theo dân tộc</b>					
Kinh	08	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
Khác	09	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
<b>4. Chia theo thành thị/nông thôn</b>					
Thành thị	10				
Nông thôn	11	<b>1,63</b>	<b>1,50</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
<b>5. Chia theo xã, thị trấn</b>					
Xã Phúc Chu	12	<b>1,60</b>	<b>1,50</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
xã.....	13				

Biểu số: 002tn.N/BCT-  
YT  
Ngày nhận báo cáo: ngày  
20/4 năm sau năm báo cáo

**TỶ LỆ THANH NIÊN  
HÚT THUỐC LÁ VÀ  
UỐNG RƯỢU BIA  
Năm 2024**

Đơn vị báo cáo: TT Y tế, Trạm Y tế,  
UBND các xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế, Phòng  
Nội vụ huyện

Đơn vị tính: %

A	Mã số	Tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá		Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia		Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia đến mức nguy hại	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
	B	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số</b>	01						
<b>1. Chia theo nhóm tuổi</b>							
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	02	3	0	3	0	0	0
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	03	6	0	12	2	0	0
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	04	12	0	35	6	0	0
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	05	17	0	35	6	0	0
<b>2. Chia theo thành thị/nông thôn</b>							
Thành thị	06						
Nông thôn	07						
<b>3. Chia theo xã, thị trấn</b>				x	x	x	x
Xã Phúc Chu	08			x	x	x	x
Xã .....	09			x	x	x	x

Biểu số: 003tn.N/BCT-YT

Ngày nhận báo cáo: ngày 20/4 năm sau

TÌNH HÌNH NHIỄM HIV VÀ TỬ VONG

DO HIV/AIDS CỦA THANH NIÊN

Năm 2024

Đơn vị báo cáo: TT Y tế, Trạm Y tế, UBND các xã, thị trấn

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế, Phòng Nội vụ huyện

A	Mã số	Tình hình nhiễm HIV của thanh niên				Số thanh niên tử vong do HIV/AIDS được báo cáo	
		Tổng số thanh niên nhiễm HIV (người)	Trong đó: Số thanh niên nhiễm HIV mới phát hiện (người)	Tỷ lệ thanh niên nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi-rút HIV (%)	Số thanh niên nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 thanh niên	Số chết trong kỳ (người)	Số tích lũy từ ca đầu tiên (người)
<b>Tổng số</b>	B	1	2	3	4	5	6
<b>01</b>	01						
<b>1. Chia theo giới tính</b>							
- Nam	02	0	0	0	0	0	0
- Nữ	03	0	0	0	0	0	0
<b>2. Chia theo nhóm tuổi</b>							
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04	0	0	0	0	0	0
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05	0	0	0	0	0	0
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06	0	0	0	0	0	0
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07	0	0	0	0	0	0
<b>3. Chia theo thành thị/nông thôn</b>							
Thành thị	08	0					
Nông thôn	09	0					
<b>4. Chia theo xã, thị trấn</b>							
Xã Phúc Chu	10	0	0	0	0	0	0
Xã .....	11						

Biểu số: 004tn.N/BCT-YT  
Ngày nhận báo cáo: ngày  
02/4 năm sau

**TÌNH HÌNH KẾ HOẠCH  
HÓA GIA ĐÌNH VÀ PHÁ  
THAI CỦA THANH  
NIÊN/VỊ THÀNH NIÊN  
Năm 2024**

Đơn vị báo cáo: TT Y tế,  
Trạm Y tế, UBND các xã, thị  
trấn  
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế,  
Phòng Nội vụ huyện

A	Mã số	Tỷ lệ nữ thanh niên có nhu cầu kế hoạch hóa gia đình chưa được đáp ứng		Số lượt phá thai tại các cơ sở y tế được cấp phép (lượt)		Tỷ lệ phá thai ở vị thành niên tại các cơ sở y tế được cấp phép (%)
		Giãn khoảng cách sinh(%)	Hạn chế số con (%)	Tổng số	Số lượt phá thai của phụ nữ từ 15 tuổi đến 19 tuổi	
B	1	2	3	4	5	
<b>Tổng số</b>	01					
<b>1. Chia theo tình trạng hôn nhân</b>		x	x			
Có chồng	02	x	x	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Chưa có chồng	03	x	x	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2. Chia theo dân tộc</b>				x	x	x
Kinh	04			x	x	x
Khác	05			x	x	x
<b>3. Chia theo nhóm tuổi</b>				x	x	x
Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	05	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	06	<b>6</b>	<b>0</b>	x	x	x
Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	07	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	08		<b>0</b>	x	x	x
<b>4. Chia theo trình độ học vấn</b>				x	x	x
Chưa đi học	09	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Chưa tốt nghiệp tiểu học	10	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Tốt nghiệp tiểu học	11	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Tốt nghiệp trung học cơ sở	12	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Tốt nghiệp trung học phổ thông	13	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
<b>5. Chia theo thành thị/nông thôn</b>						
Thành thị	14					
Nông thôn	15	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>6. Chia theo xã, thị trấn</b>						
Xã Phúc Chu	16	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
Xã .....	17					



**Biểu số: 005tn.N/BCT-  
YT**

Ngày nhận báo cáo:  
Ngày 02/4 năm sau

**SỐ THANH NIÊN ĐƯỢC TUYÊN  
TRUYỀN THAY ĐỔI HÀNH VI,  
THÁI ĐỘ KỶ THỊ, PHÂN BIỆT ĐỐI  
XỬ VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THANH  
NIÊN DỄ BỊ TỔN THƯƠNG, NGƯỜI  
ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH,  
CHUYÊN GIỚI  
Năm 2024**

**Đơn vị báo cáo: TT  
Y tế, Trạm Y tế,  
UBND các xã, thị  
trấn  
Đơn vị nhận báo  
cáo: Sở Y tế, Phòng  
Nội vụ huyện**

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Số thanh niên được tuyên truyền thay đổi hành vi thái độ kỷ thị, phân biệt đối xử với các đối tượng thanh niên dễ bị tổn thương, người đồng tính, song tính, chuyên giới
A	B	1
<b>Tổng số</b>	01	<b>12</b>
<b>1. Chia theo giới tính</b>		
- Nam	02	<b>6</b>
- Nữ	03	<b>6</b>
<b>2. Chia theo nhóm tuổi</b>		
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04	<b>6</b>
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05	<b>0</b>
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06	<b>0</b>
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07	<b>0</b>
<b>3. Chia theo thành thị/nông thôn</b>		
Thành thị	08	
Nông thôn	09	
<b>4. Chia theo xã, thị trấn</b>		
Xã Phúc Chu	10	<b>6</b>
Xã .....	11	

**Biểu số**  
**001tn.N/BCT-TTTT**  
Ngày nhận báo cáo:  
ngày 10/3 năm sau

**TỶ LỆ THANH NIÊN SỬ**  
**DỤNG ĐIỆN THOẠI DI**  
**ĐỘNG, MÁY TÍNH,**  
**INTERNET**  
**Năm 2024**

Đơn vị báo cáo:  
Phòng Văn hóa và Thông tin  
Đơn vị nhận báo cáo: Phòng  
Nội vụ huyện

*Đơn vị tính: %*

	Mã số	Tỷ lệ thanh niên sử dụng điện thoại di động		Tỷ lệ thanh niên sử dụng máy tính	Tỷ lệ thanh niên sử dụng internet
		Chung	Trong đó: Điện thoại thông minh		
A	B	1	2	3	4
<b>Toàn huyện</b>	01				
<b>1. Chia theo giới tính</b>					
Nam	02				
Nữ	03				
<b>2. Chia theo thành thị/nông thôn</b>					
- Thành thị	04				
- Nông thôn	05				
<b>3. Chia theo xã, thị trấn</b>					
Xã Phúc Chu	06				
Xã .....	07				

**Nơi nhận:**  
- Như kính gửi;  
- Lưu: VP, VH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Nông Hồng Nhậm**